

GIA ĐÌNH – MỘT THIẾT CHẾ TỪ HƯỚNG TIẾP CẬN XÃ HỘI HỌC

VŨ TUẤN HUY

Chúng ta biết rằng không có một loại hình gia đình đồng nhất, giống nhau ở mọi nơi và mọi thời điểm. Những thay đổi lớn đang diễn ra quy mô trong gia đình, mức độ quan hệ thân tộc, mô hình nơi ở và các quan hệ bên trong đời sống gia đình. Những đặc điểm này thay đổi không chỉ từ nền văn hóa này nền văn hóa khác mà còn từ gia đình này đến gia đình khác trong cùng một nền văn hóa.

Trong tiếp cận đến vấn đề gia đình, các nhà nhân chủng học tập trung vào cấu trúc gia đình thường bỏ qua khía cạnh tình cảm của đời sống gia đình. Các nhà tâm lý học tập trung vào sự phát triển của trẻ em và sự điều chỉnh của cá nhân có lúc bỏ qua những biến đổi về văn hóa và những khía cạnh của tổ chức xã hội. Xã hội học gia đình tập trung vào trật tự xã hội của đời sống gia đình. Gia đình là đối tượng của nhiều khoa học chuyên biệt và vì thế việc sử dụng các khái niệm của các lý thuyết khác nhau là điều thường xảy ra. Có thể ví mỗi gia đình là một tế bào xã hội hay là gì đi nữa thì những ẩn dụ ấy cũng chỉ nói lên rằng gia đình có một vai trò quan trọng nào đó đối với xã hội. Và nếu như người ta muốn gắn thêm cho cách hiểu như vậy những ý nghĩa nào khác thì thực sự chúng ta không thể tiến thêm một bước nào để hiểu về bản thân gia đình và những quan hệ của nó với xã hội trong quá trình phát triển lịch sử, từ những quan niệm như vậy. Cơ thể sống cấu tạo nên từ những tế bào. Nhưng xã hội không thể là tổng số của những gia đình.

Bất kỳ xã hội nào muốn tồn tại đều phải giải quyết những vấn đề chung nhất: sinh con đẻ cái để tạo ra thế hệ mới. Hợp pháp hóa hành vi đó trong hôn nhân; chăm sóc con cái, xã hội hóa: truyền bá kiến thức tích lũy từ thế hệ này đến thế hệ khác; những khía cạnh tâm linh về ý nghĩa của đời sống con người; phân bổ quyền lực và kiểm soát xã hội; sản xuất, phân phối và tiêu dùng của cải vật chất. Những nhiệm vụ đó được thực hiện theo một hệ thống các chuẩn mực, giá trị, các địa vị và vai trò phát triển xung quanh những nhiệm vụ cơ bản của xã hội. Chính vì vậy, các thiết chế biến đổi khi hệ thống các giá trị hoặc những điều kiện trong xã hội thay đổi và giữa các nền văn hóa khác nhau thì các thiết chế có những đặc điểm khác nhau. Đây là căn cứ để xác định gia đình là một trong những thiết chế xã hội cơ bản. Nó là cơ bản vì gia đình vốn phải giải quyết khá nhiều những nhiệm vụ chung của xã hội bên cạnh các thiết chế xã hội khác: chính trị, kinh tế, tôn giáo, giáo dục.

Xem gia đình như một thiết chế xã hội giúp chúng ta định hướng đến những vấn đề gia đình. Đó là vấn đề hôn nhân và sự hình thành đời sống gia đình, những biến đổi của tổ chức gia đình và những chức năng của nó, mối quan hệ gia đình với các thiết chế xã hội khác. Biến đổi xã hội đã tác động đến gia đình như thế nào và những phương diện nào.

“Ngày nay nhà khảo cổ học nói với chúng ta rằng loài người có lịch sử ít nhất một triệu năm. Họ không thể nói với độ tin cậy như vậy rằng hôn nhân cũng có lịch sử ít nhất một triệu năm. Nhưng chúng ta có thể giả định hợp lý rằng hôn nhân trong những hình thức nào đó đã tồn tại qua toàn bộ lịch sử loài người”.

Đây là quan điểm của Edward West Marck trong cuốn “lịch sử hôn nhân” của ông viết gần tám mươi năm trước đây. Và ông khẳng định rằng “hôn nhân bắt rễ trong gia đình chứ không phải là điều ngược lại”. Do đó, hôn nhân phải được kiểm soát bởi cộng đồng để đảm bảo tính liên tục của gia đình.

Chúng ta chưa xét tới gia đình trong hình thức của nó là hạt nhân hay gia đình mở rộng. Mỗi con người sau khi kết hôn thuộc về hai gia đình; gia đình riêng được coi là gia đình sinh đẻ (procreation family) và gia đình định hướng (orientation family), nơi người đó sinh ra và được nuôi dưỡng trước khi bước vào hôn nhân. Vì mục đích của nó, đời sống hôn nhân có thể gọi là thành công và hạnh phúc nhất khi hai vợ chồng có con và sống với nhau đến tuổi già, hoặc trong sự bất hạnh khi hai vợ chồng ly dị nhau để không bị trở nên bất hạnh hơn. Đó chỉ là những nét chung nhất. Đối với người Việt, hôn nhân là một điều mong muốn. Có nhiều con và nhất là con trai là một giá trị truyền thống. Vì vậy, khi không có con hoặc không có con trai, cuộc hôn nhân về phía người vợ sẽ không được đảm bảo.

Khi có con cái, hôn nhân dù kết thúc như thế nào thì gia đình vẫn còn đó. Vì vậy, trong mỗi cuộc hôn nhân đều có một gia đình, nhưng trong mỗi gia đình chưa hẳn đã có một cuộc hôn nhân. Con cái họ qua hôn nhân lại hình thành nên những gia đình mới. Nhưng bao giờ cũng vậy, gia đình định hướng là điểm đầu tiên để các gia đình sinh đẻ móc nối vào đó tạo nên hệ thống thân tộc.

Một chuẩn mực khác trong hôn nhân là cấm loạn luân. Sự hình thành của thiết chế thân tộc là một yếu tố cần thiết vạch biên giới cho hôn nhân. Vì vậy dù xã hội biến đổi như thế nào thì thiết chế thân tộc vẫn tồn tại để thực hiện chức năng đó và những nhu cầu xã hội khác. Tất nhiên ở mức độ nào thì luật pháp đã quy định, nhưng trên thực tế thì lại là chuyện khác. Trong một nghiên cứu quan hệ thân tộc ở một xã hội thuộc tỉnh Hà Bắc, năm 1992 của Viện Xã hội học quan hệ dòng họ ở đây là những quy định nghiêm ngặt vượt quá những đòi hỏi của luật pháp. Một đôi trai gái tìm hiểu nhau và có ý định kết hôn. Nhưng khi về quê tìm đến họ hàng thì các cụ cao tuổi trong họ dứt khoát không cho cưới vì họ có một ông tổ chung đến họ là đời thứ 21.

Trong những vấn đề của hôn nhân và gia đình, ý nghĩa và quyền lực của hôn nhân là những vấn đề quan trọng quyết định hình thức tổ chức của gia đình – yếu tố cấu trúc, gia đình sẽ thực hiện những nhiệm vụ gì – yếu tố chức năng và những quan hệ bên trong gia đình. Ý nghĩa và quyền lực của hôn nhân đặt ở đâu không phải là một sự tùy tiện, mà được quy định bởi một hệ thống các chuẩn mực, giá trị phản ánh trong các thiết chế tôn giáo, chính trị, kinh tế trong các xã hội cụ thể.

Chuẩn mực xã hội truyền thống nhất xem hôn nhân là một hiện tượng thiêng liêng, được tạo ra bởi thượng đế hoặc những quyền lực siêu nhiên. Trong hình thức cực đoan của nó, hôn nhân không chỉ là thiêng liêng mà còn là một lời nguyện. Đạo Cơ đốc xem hôn nhân như một trong bảy lời nguyện.

Chuẩn mực truyền thống thứ hai cũng xem hôn nhân là thiêng liêng nhưng quyền lực của nó xoay quanh những nghĩa vụ xã hội. Nguồn gốc quyền lực không phải là thượng đế, mà nhóm thân tộc, cộng đồng.

Chuẩn mực thứ ba mới xuất hiện xem hôn nhân tồn tại vì cá nhân. Trong ý nghĩa này, nguồn gốc quyền lực thuộc về cá nhân. Mỗi cá nhân là người có trách nhiệm chủ yếu đối với hôn nhân của mình.

Có ít nhất 3 ý nghĩa cơ bản này của hôn nhân tồn tại cho đến ngày nay. Sự thiếu đồng nhất trong nguồn gốc quyền lực của hôn nhân là cơ sở cho hầu hết các vấn đề xung đột trong hệ thống hôn nhân và gia đình.

Những vấn đề của hôn nhân và gia đình Việt Nam cần phải được nghiên cứu từ góc độ lịch sử và thực nghiệm để đối sách làm sáng tỏ những chuẩn mực này của hôn nhân hoạt động ở mức độ nào. Chắc chắn rằng chuẩn mực truyền thống đầu tiên chỉ hoạt động khi Thiên Chúa giáo bắt rễ được trong xã hội Việt Nam. Còn chuẩn mực truyền thống thứ hai thì hầu như xuyên suốt lịch sử, là nét đặc trưng của xã hội Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay không phải không có những biến đổi.

Có thể chỉ ra những bằng chứng thực nghiệm trong kết quả điều tra KAP – 1993 về kế hoạch hóa gia đình trong 7 tỉnh ở Việt Nam về sự nói lỏng những chuẩn mực hôn nhân. Nếu như trước kia, một cô gái không chồng mà chửa thì chỉ có thể bỏ làng mà đi hoặc tìm đến cái chết thì ngày nay dư luận xã hội có sự khoan dung hơn. Số liệu cũng chỉ ra mức độ biến đổi khác nhau giữa các vùng, giữa đô thị và nông thôn.

Một khía cạnh khác về sự biến đổi chuẩn mực hôn nhân là từ hôn nhân hoàn toàn do bố mẹ sắp đặt trước đây đến ngày nay, con cái có quyền tìm hiểu, được sự hướng dẫn, chấp thuận của bố mẹ. Khi chính thế hệ bố mẹ đã có những thay đổi. Thế hệ con cái cũng không thể đòi hỏi hơn về tự do cá nhân tuyệt đối trong điều kiện của những ràng buộc về kinh tế - văn hóa. Phải chăng đây là mô hình hợp lý trong việc quyết định hôn nhân nhằm đảm bảo tính ổn định tối đa của nó và giảm sự căng thẳng giữa các thế hệ. Cũng trong nghiên cứu của Viện Xã hội học về quan hệ thân tộc ở một xã của tỉnh Tiền Giang, khi tìm hiểu về mô hình quyết định hôn nhân của thế hệ trẻ ngày nay, chúng tôi nhận được câu trả lời từ các bậc cha mẹ rằng “nếu như trước đây đối với chúng tôi cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy thì ngày nay con cái đặt đâu bố mẹ ngồi đấy”.

Sự ổn định của hôn nhân là một trong những đòi hỏi của xã hội truyền thống. Nhưng đời sống hôn nhân cũng thực sự là cái nôi của những xung đột. Làm sao có thể duy trì quan hệ thân thiết giữa hai con người khác nhau trong một thời gian dài mà không tránh khỏi những bất

đồng. Hệ thống gia đình gia trưởng và sự can thiệp của thiết chế thân tộc đã tạo ra sự ổn định đó. Sự liên kết của hôn nhân được tạo ra bằng sức ép từ bên ngoài. Chính vì vậy, hiện tượng li dị thường xảy ra trong những cuộc hôn nhân do bố mẹ sắp đặt.

Nửa thế kỷ qua, xã hội Việt Nam đã trải qua những biến đổi lớn về chính trị, kinh tế. Những thành tựu về kinh tế, văn hóa, giáo dục về quyền bình đẳng giữa hai giới tạo ra những cơ sở tác động tích cực đến đời sống hôn nhân và gia đình. Mặt khác, những hậu quả của chiến tranh, sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường có những mặt ảnh hưởng tiêu cực. Hậu quả của cơ cấu dân số nước ta hiện nay là phụ nữ bị đặt trong tình thế bất lợi về hôn nhân (marriage squeeze) do mất cân bằng về giới tính. Với việc bùng nổ của nền kinh tế thị trường, những tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc, nghiện hút đang làm xói mòn thiết chế hôn nhân, nền tảng gia đình. Tỷ lệ li dị đang có xu hướng tăng lên hiện nay là một chỉ báo về sự biến đổi của thiết chế hôn nhân. Chủ đề này cần có những nghiên cứu chuyên biệt để làm sáng tỏ những yếu tố tác động, những nguyên nhân và hậu quả của nó.

Những biến đổi xã hội nước ta trong mấy chục năm qua đã và đang tác động mạnh mẽ đến gia đình và chúng tôi giả định rằng hôn nhân đang có sự biến đổi từ những chuẩn mực truyền thống sang chuẩn mực mới. Nói theo ngôn ngữ của nhà xã hội học Mỹ David R. Mace là “hôn nhân đang trong quá trình lộn bên trong ra bên ngoài”. Ở mức độ nào cần có những nghiên cứu theo giai đoạn (period) và theo nhóm (cohort) từ quan điểm lịch sử, đặt trong mối tương quan giữa các biến số như tuổi, giới tính, học vấn, nghề nghiệp, nơi ở ...v...v...làm nổi bật những đặc điểm của đời sống hôn nhân và gia đình Việt Nam, dự báo những biến đổi của nó trong thập kỷ tới.

Phù hợp với những ý nghĩa cơ bản của hôn nhân là những hình thức nhất định của tổ chức gia đình. Trong xã hội Việt Nam truyền thống, ý nghĩa của hôn nhân xoay quanh những nghĩa vụ của xã hội, phù hợp với mong muốn của họ hàng, của cộng đồng. Và nếu như quy luật hôn nhân là “môn đăng hộ đối (endogamy)”, thì người ta chỉ có thể đem gia đình, dòng họ ra mà so sánh. Cái gia đình hạt nhân ấy được hình thành chỉ nhằm củng cố dòng họ, thân tộc. Gia đình ở đây được quan niệm là gia đình mở rộng, và những quan hệ họ hàng được coi là những quan hệ gia đình.

Khía cạnh tôn giáo trong việc thờ cúng tổ tiên của người Việt cũng góp phần mở rộng khái niệm gia đình. Gia đình không chỉ những người có quan hệ huyết thống còn sống mà cả những bậc tổ tiên đã khuất.

Nhưng căn cứ về những chỉ báo nhân khẩu học về mức sinh, mức tử vong, tuổi thọ bình quân, mô hình nơi ở, thì gia đình mở rộng gồm 3 – 4 thế hệ sống chung dưới một mái nhà trong xã hội Việt Nam truyền thống chắc không phải là phổ biến. Ở nông thôn, hộ gia đình thường là gia đình hạt nhân. Chỉ một tỷ lệ nhỏ là gia đình mở rộng gồm bố mẹ, ông bà sống chung với vợ chồng con trai trưởng như ở nông thôn miền Bắc hoặc với người con út như ở nông thôn Nam Bộ.

Trong xã hội nông nghiệp truyền thống cơ sở kinh tế gia đình là tự cấp tự túc. Vì vậy, sự tồn tại của gia đình hạt nhân tách biệt là điều khó khăn. Thiết chế thân tộc như một sự bổ sung tích cực cho gia đình hạt nhân. Nó không chỉ là chỗ dựa về kinh tế khi cần thiết, mà thiết chế thân tộc còn là chỗ dựa về tình cảm và vai trò quan trọng trong kiểm soát xã hội. Một khi đã chấp nhận nguyên tắc như vậy thì đời sống gia đình hạt nhân chỉ là phụ. Việc vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc không không phải là điều quan trọng và đôi khi ngay chính những người trong cuộc giải quyết những xung đột trong hôn nhân của họ không phải vì lợi ích của bản thân họ mà vì họ hàng, thân tộc hoặc sử dụng các quan hệ đó như một cứu cánh. Trong điều kiện kinh tế, xã hội như vậy, hệ thống gia đình gia trưởng đã có một vai trò nhất định của nó. Trong hệ thống gia đình, quyền lực nằm trong tay người đàn ông, người chồng, người cha, người già, người trưởng tộc. Người vợ và con cái ở vào địa vị phụ thuộc. Bản chất của chế độ gia trưởng là tôi thỏa mãn nhu cầu của anh mà không giao cho anh một trách nhiệm nào. Người đàn ông được trao quyền lực để duy trì sự ổn định của gia đình trong trật tự của hệ thống gia trưởng.

Hệ tư tưởng Nho giáo đã củng cố quan hệ quyền lực này trong gia đình. Chế độ gia trưởng sẽ dẫn đến độc đoán. Nhưng cơ sở kinh tế đó đã đẩy quan hệ quyền lực ấy phát triển đến tận cùng. Vì vậy, trong đời sống người ta thấy một hình thức dân chủ gia đình hay cộng đồng nào đó.

Phù hợp với cấu trúc gia đình truyền thống là sự nổi bật của chức năng kinh tế và chức năng sinh đẻ của gia đình. Giá trị truyền thống nhấn mạnh đến sự ổn định, hòa thuận là đông con nhiều cháu. Chức năng sinh đẻ được đặc biệt nhấn mạnh. Nó như một yếu tố quan trọng để củng cố hôn nhân, làm tiền đề cho chức năng sản xuất trong điều kiện của lao động sản xuất dựa trên sức người là chính.

Trong các chức năng của gia đình Việt Nam, chức năng sản xuất chưa bao giờ biến mất, ngay cả trong thời kỳ hợp tác hóa. “Chỉ với 5% đất đai, các gia đình làm được nửa thu nhập của mình. Trong khi đó với 95% đất đai, hợp tác xã chỉ cung cấp được một nửa thu nhập từ kinh tế tập thể”. Với việc chuyển sang kinh tế thị trường, hộ gia đình nông dân định hướng sản xuất hàng hóa khác với hộ gia đình tự cấp, tự túc. Chức năng kinh tế của hộ gia đình nông thôn có sự biến đổi theo chiều sâu. Họ vẫn có chức năng sản xuất, tiêu dùng, mặt khác tham gia vào thị trường với một năng động mới.

Chính sách dân số của nước ta từ những năm 60 và đặc biệt trong những năm gần đây hướng đến giảm quy mô gia đình. Khi những chuẩn mực xã hội biến đổi, quy mô gia đình lớn được đánh giá lại, đông con là một gánh nặng hơn là lợi ích kinh tế. Con người tìm sự thỏa mãn trong đời sống gia đình ở những khía cạnh khác hơn là sự cần phải sinh đẻ nhiều. Các yếu tố nhân khẩu học cũng tác động mạnh mẽ đến chức năng sinh đẻ của gia đình. Giảm tỷ lệ tử vong, đặc biệt là tử vong của trẻ sơ sinh là yếu tố quan trọng dẫn đến giảm mức sinh.

Nếu như ngay từ buổi đầu, con người tìm thấy gia đình là môi trường tốt nhất nuôi dưỡng con cái, thì trong quá trình tiến hóa của nó gia đình còn là cái nôi để hình thành và ổn định nhân

cách. Chức năng giáo dục của gia đình ngày nay càng tinh tế và linh hoạt hơn: “Để chuẩn bị cho đứa con trong một thế giới mới, cha mẹ phải chấp nhận những vai trò hoàn toàn mới. Nhiệm vụ của cha mẹ không phải là khuôn mẫu quy định tính phục tùng của con cái mà là hợp tác với chúng một cách linh hoạt, học cách sử dụng tự do bằng trí tuệ và sự kiềm chế. Đây là một nhiệm vụ khó khăn hơn và đặt những gánh nặng lên gia đình hiện đại”.

Trong vài thập kỷ qua do hậu quả của đô thị hóa và công nghiệp hóa, gia đình phương Tây đã trải qua những biến đổi mà người ta gọi là sự khủng hoảng, sự tan vỡ của gia đình do việc mất chức năng của nó. Sự rối loạn của gia đình hiện đại dẫn đến sự luyến tiếc thời đại hoàng kim của cuộc sống gia đình trong quá khứ. Tuy nhiên, những nghiên cứu lịch sử và thực nghiệm gần đây đã bác bỏ quan niệm đó. Theo Talcot Parsons, việc gia đình mất chức năng không chỉ là vấn đề “mất” mà còn là “được”. Cái được ở đây là sự giải phóng. Cũng như tổ tiên của loài người không trở thành người nếu như không giải phóng được đôi tay để chế tạo và sử dụng công cụ. Gia đình giải phóng một số chức năng sang các thiết chế xã hội khác để tập trung vào những chức năng không thể giảm được của gia đình. Đó là hình thành và ổn định nhân cách. Và nếu như có một sự rối loạn nào đó thì có nghĩa là những chức năng đó chưa phát triển đến mức đòi hỏi của xã hội hiện đại. Gia đình phương Tây cũng đang trong giai đoạn quá độ để thích nghi với những hoàn cảnh xã hội mới.

Gia đình truyền thống luôn ở trong quá trình xung đột để phát triển gia đình đích thực, hạt nhân hóa hoàn toàn. Chính vì vậy, gia đình Việt Nam trong quá khứ mang hình thức nửa hạt nhân hóa. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở nước ta đang tạo ra những cơ sở chính trị, kinh tế cho quá trình biến đổi đó của gia đình. Thiết chế thân tộc phải bị suy yếu đi nhưng không bao giờ hoàn toàn biến mất do những yêu cầu của quy luật hôn nhân.

Nghiên cứu vấn đề hôn nhân và gia đình không tách rời vấn đề phụ nữ. Quan điểm về quyền bình đẳng đòi hỏi địa vị phụ nữ phải được nâng cao trong các lĩnh vực của đời sống, kể cả trong gia đình và ngoài xã hội; xem “giới” như một loại hình phân tích. Nghiên cứu xã hội học gia đình trước đây xác định địa vị phụ nữ như những người mẹ, người nội trợ, kết quả của những đặc điểm sinh học và nhu cầu xã hội không thay đổi. Hơn nữa trong quan điểm này, gia đình không phải là một tập hợp những cá nhân với những kinh nghiệm nhu cầu khác nhau, mà là một nhóm dựa trên sự thống nhất về lợi ích và sự nhất trí. Hậu quả là vai trò của phụ nữ không được phân tích như là kết quả của sự phát triển lịch sử cụ thể.

Trong điều kiện hiện nay, lao động của phụ nữ ngay trong kinh tế hộ gia đình nông thôn ngày càng biểu hiện tính xã hội trực tiếp. Sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động xã hội trong những khu vực khác là những yếu tố tích cực tạo ra những cơ sở mới cho các mối quan hệ trong gia đình, sự chia sẻ trách nhiệm trong mối quan hệ bình đẳng. Địa vị của phụ nữ (và của cả đàn ông) trong gia đình và ảnh hưởng của sự phân công vai trò giữa nam và nữ phải trở thành tiêu điểm của sự phân tích.

Lĩnh vực hôn nhân và gia đình đề cập đến nhiều chủ đề và dẫn đến nhiều dạng nghiên cứu khác nhau. Định hướng đến những vấn đề của gia đình sẽ quyết định lĩnh vực điều tra, những câu hỏi được đặt ra, và khung lý thuyết để thu thập và giải thích các dữ kiện.

Xem gia đình như một thiết chế, điều đó có nghĩa là để hiểu gia đình, nó cần phải được xem xét trong mối quan hệ với các thiết chế khác. Ngoài ra phải tính đến các yếu tố dân số, mô hình cơ động xã hội và phân tầng xã hội. Không phải ngẫu nhiên mà xã hội nông nghiệp truyền thống nhấn mạnh đến họ hàng mở rộng, cha mẹ dành toàn bộ quyền quyết định trong việc dựng vợ gả chồng cho con cái. Từ quan điểm lịch sử, quan điểm giai cấp và quan điểm về quyền bình đẳng của phụ nữ nhằm “nhận diện cho đúng thực trạng của gia đình Việt Nam hiểu được một cách sâu sắc sự vận động và sự chuyển đổi cấu trúc, chức năng của gia đình trong những biến động kinh tế - xã hội thời gian qua, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới của đất nước trên tất cả các mặt để thích ứng được với hoàn cảnh của nền văn minh nhân loại”

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Lai: “Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam”. Nxb Khoa học – Xã hội, Hà Nội, 1991.
2. Đỗ Thái Đồng: “Gia đình truyền thống và những biến thái ở Nam Bộ Việt Nam”, Nxb Khoa học – Xã hội, 1991.
3. J. Ross Eshleman: “The family” 1988, Allyn and Bacon, Inc.